

Ngành đào tạo:

Tiếng Việt: **Quản lý đất đai**

Mã số: **60 85 01 03**

Tiếng Anh:

Thời gian đào tạo: **02 năm**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ thạc sỹ quản lý đất đai có trình độ chuyên sâu về lý thuyết, có kỹ năng thực hành tốt; có khả năng làm việc độc lập và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo quản lý đất đai.

Kết thúc chương trình học tập, học viên có thể phục vụ trong các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp, các cơ quan đào tạo, nghiên cứu khoa học liên quan đến quản lý đất đai và tài nguyên môi trường, kinh doanh bất động sản.

1.2. Mục tiêu cụ thể

• Về kiến thức:

- Cung cấp những lý luận, phương pháp luận về khoa học quản lý đất đai, sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất.

- Cung cấp kiến thức cơ bản về chính sách, pháp luật đất đai, công nghệ quản lý đất đai hiện đại, quản lý thị trường bất động sản.

• Về kỹ năng:

- Có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học và thực tiễn trong công tác quản lý đất đai, đầu tư kinh doanh bất động sản và đề xuất phương án giải quyết;

- Có khả năng tiếp cận xây dựng hệ thống quản lý đất đai hiện đại, xây dựng hệ thống thông tin đất đai;

- Có kỹ năng hoạch định các chính sách, chiến lược trong quản lý đất đai.

- Có kỹ năng tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược trong thực tiễn.

• Về đạo đức nghề nghiệp:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt;

- Trung thực và tâm huyết với nghề, chấp hành đúng chủ trương, chính sách, pháp luật trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

2. Yêu cầu đối với người dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ thạc sỹ Quản lý đất đai phải đáp ứng được các điều kiện sau:

a. Về văn bằng:

- Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng và ngành phù hợp với chuyên ngành Quản lý đất đai;

- Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành Quản lý đất đai và đã học các học phần bổ sung kiến thức;

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

b. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn: không

c. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

d. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Phòng Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Lâm nghiệp.

3. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể là:

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo (60 TC), có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

b) Đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

c) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

đ) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

4. Chương trình đào tạo

a. Khái quát chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý đất đai được thiết kế theo xu hướng tiên tiến, hiện đại, phù hợp với điều kiện trong nước và tương đương các chương trình đào tạo tiên tiến của một số nước trên thế giới.

Khối lượng kiến thức: Khung chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý đất đai được thiết kế với tổng số 60 tín chỉ, gồm 36 tín chỉ bắt buộc (60%), 12 tín chỉ tự chọn (20%) và 12 tín chỉ thực hiện luận văn tốt nghiệp (20%).

Cụ thể:

- Phần kiến thức chung: 6 TC

- Phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành:

+ Các học phần bắt buộc: 30TC (cơ sở: 12TC; chuyên ngành: 18TC)

+ Các học phần tự chọn: 12 TC (cơ sở: 4TC; chuyên ngành: 8TC)

- Luận văn tốt nghiệp: 12 TC

b. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 1. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai

Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL
A – Phần kiến thức chung			6	5	2
QDTH	501	Triết học (<i>Philosophy</i>)	3	3	1
QDTA	502	Tiếng Anh (<i>English for general purposes</i>)	3	2	1

B – Phần kiến thức cơ sở			16	9	5
B1-Các học phần bắt buộc			12	8,5	3,5
QDTD	503	Trắc địa nâng cao (<i>Advance Survey</i>)	2	1,5	0,5
QDPL	504	Hệ thống pháp luật về quản lý đất đai (<i>Law System on land management</i>)	2	1,5	0,5
QDVT	505	Công nghệ Viễn thám và GPS trong quản lý đất đai (<i>Remote sensing technology and global position System in Land management</i>)	2	1,5	0,5
QDBV	506	Quản lý sử dụng đất nông nghiệp bền vững (<i>Sustainable agricultural Land Use and Management</i>)	3	2	1
QDNC	507	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý đất đai (<i>Research Methods on land management</i>)	3	2	1
B2-Các học phần tự chọn			4	2,5	1,5
QDKT	508	Kinh tế tài nguyên đất (<i>Land Resoures Economics</i>)	2	1,5	0,5
QDNN	509	Hệ thống nông nghiệp (<i>Farming System</i>)	2	1,5	0,5
QDLV	510	Quản lý lưu vực tổng hợp (<i>Integrated watershed management</i>)	2	1,5	0,5
QDAC	511	Tiếng Anh chuyên ngành (<i>English for special purposes</i>)	2	1	1
C- Phần kiến thức chuyên ngành			26	18	7
C1- Các học phần bắt buộc			18	13,5	5,5
QDQH	512	Quy hoạch sử dụng đất bền vững (<i>Sustainable Land use Planning</i>)	2	1,5	0,5
QDMT	513	Quản lý tài nguyên môi trường và phát triển bền vững (<i>Management on Natural Resources and Sustainable Development</i>)	2	1,5	0,5
QDDL	514	Hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai (<i>Land Database System</i>)	2	2	1

QDQP	515	Hệ thống quản lý đất đai phát triển (<i>Development Land management System</i>)	2	1,5	0,5
QDDG	516	Quản lý địa giới hành chính (<i>Administrative boundaries Management</i>)	2	1,5	0,5
QDTT	517	Thanh tra và kiểm soát sử dụng đất (<i>Land Inspectorate and Land use Control</i>)	2	1,5	0,5
QDTC	518	Tài chính đất đai (<i>Land Finance</i>)	2	1,5	0,5
QDDS	519	Thị trường bất động sản nâng cao (<i>Real estate market Management in Advances</i>)	2	1,5	0,5
QDNT	520	Quản lý quy hoạch nông thôn (<i>Rural Planning Management</i>)	2	1,5	0,5
C2- Các học phần tự chọn			8	4,5	1,5
QDSE	521	Seminar	2		2
QDDT	522	Quy hoạch và quản lý đất đô thị (<i>Urban land Planning and Management</i>)	2	1,5	0,5
QDTD	523	Thẩm định giá bất động sản (<i>Expertising on real state price</i>)	2	1,5	0,5
QDMT	524	Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản (<i>Water and mineral resources management</i>)	2	1,5	0,5
QDDA	525	Quản lý dự án đầu tư bất động sản (<i>Project management of real estate investment</i>)	2	1,5	0,5
QDCQ	526	Quy hoạch sinh thái cảnh quan (<i>Landscape ecological planning</i>)	2	1,5	0,5
QDKG	527	Quy hoạch không gian (<i>Spatial Planing</i>)	2	1,5	0,5
QDPT	528	Ứng dụng Phong thủy học trong quy hoạch sử dụng đất (<i>Feng Shui Applications in land mangagement</i>)	2	1,5	0,5
QDCS	529	Chính sách đất đai	2	1,5	0,5
D- Luận văn tốt nghiệp			12		
Tổng cộng			60		

